

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN S.S.G

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05 - 40
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	05 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	09 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn S.S.G (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn S.S.G được thành lập theo Luật doanh nghiệp Việt Nam theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0303094938 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 10 năm 2003, đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 13 tháng 09 năm 2013 do sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty: 92 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Hồng Phương	Chủ tịch
Ông Đinh Ngọc Ninh	Phó chủ tịch
Bà Hứa Thị Phần	Thành viên
Bà Phan Thị Ngân	Thành viên
Ông Trần Phương Tùng	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đinh Ngọc Ninh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Tường Giang	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Trưởng ban
Ông Trần Đức Tâm	Thành viên
Ông Trần Quang Hào	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Đinh Ngọc Ninh

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2014

Số: 105 /2014/BC.KTTC-AASC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn S.S.G**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn S.S.G được lập ngày 12 tháng 03 năm 2014, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn S.S.G tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2014

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Giám đốc



Bùi Văn Thảo

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0522-13-002-1

Kiểm toán viên



Trần Trung Hiếu

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số : 2202-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.779.627.672.255	2.334.925.538.619
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	345.847.874.800	289.246.122.839
111	1. Tiền		91.358.948.803	21.026.389.089
112	2. Các khoản tương đương tiền		254.488.925.997	268.219.733.750
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	25.435.787.504	77.768.923.828
121	1. Đầu tư ngắn hạn		26.111.795.227	78.586.795.227
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(676.007.723)	(817.871.399)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		435.429.855.017	427.112.192.999
131	1. Phải thu của khách hàng		9.118.755.718	25.975.132.103
132	2. Trả trước cho người bán		352.577.448.668	332.427.351.857
135	5. Các khoản phải thu khác	5	76.511.100.803	71.596.980.875
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.777.450.172)	(2.887.271.836)
140	IV. Hàng tồn kho	6	1.944.090.804.520	1.505.569.522.015
141	1. Hàng tồn kho		1.944.090.804.520	1.505.569.522.015
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		28.823.350.414	35.228.776.938
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		942.906.489	546.173.932
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		19.239.977.206	24.615.366.177
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	-	5.794.566
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	8.640.466.719	10.061.442.263
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.921.068.647.338	1.869.590.006.403
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		94.822.550.600	165.322.550.600
218	4. Phải thu dài hạn khác	9	94.822.550.600	165.322.550.600
220	II. Tài sản cố định		791.591.079.973	791.604.780.728
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	219.924.837.782	227.257.584.185
222	- Nguyên giá		242.921.488.392	245.014.512.413
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(22.996.650.610)	(17.756.928.228)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	497.048.838	725.299.511
228	- Nguyên giá		1.026.906.340	1.090.838.393
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(529.857.502)	(365.538.882)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	571.169.193.353	563.621.897.032
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	13	984.444.539.284	880.659.543.759
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		774.295.695.433	731.518.736.103
258	3. Đầu tư dài hạn khác		223.895.000.000	156.861.195.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(13.746.156.149)	(7.720.387.344)
260	V. Tài sản dài hạn khác		50.210.477.481	32.003.131.316
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	48.378.595.255	31.610.065.131
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33.2	1.587.965.226	249.149.185
268	3. Tài sản dài hạn khác		243.917.000	143.917.000
269	VI. Lợi thế thương mại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>4.700.696.319.593</u>	<u>4.204.515.545.022</u>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		2.853.928.935.163	2.484.458.965.646
310	I. Nợ ngắn hạn		2.388.487.942.471	1.990.561.552.102
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	44.461.837.140	201.764.362.757
312	2. Phải trả người bán		281.256.354.625	344.169.827.862
313	3. Người mua trả tiền trước		1.075.303.691.894	475.957.781.825
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	4.170.342.081	7.853.218.690
315	5. Phải trả người lao động		5.491.473.229	8.016.666.908
316	6. Chi phí phải trả	17	963.338.216	7.285.126.674
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	1.129.067.272
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	960.666.774.210	929.900.373.372
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	502.184.422
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		16.174.131.076	13.982.942.320
330	II. Nợ dài hạn		465.440.992.692	493.897.413.544
333	3. Phải trả dài hạn khác	19	315.445.214.422	340.416.515.340
334	4. Vay và nợ dài hạn	20	85.339.562.824	101.855.861.316
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	33.2	-	1.695.931.609
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		64.656.215.446	49.929.105.279
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.619.238.250.197	1.535.606.027.653
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	1.619.238.250.197	1.535.606.027.653
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		825.000.000.000	825.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		345.100.000.000	345.100.000.000
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(374.059)	1.122.176
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		102.556.393.123	99.905.393.123
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		31.041.494.079	31.985.408.064
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		36.080.001.791	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		279.460.735.263	233.614.104.290
439	C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	22	227.529.134.233	184.450.551.723
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.700.696.319.593	4.204.515.545.022

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Dollar Mỹ (USD)		1.312,69	1.777,54



Trần Văn Pha
Kế toán trưởng

Đình Ngọc Ninh
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2013

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	291.431.893.144	315.912.538.987
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	-	63.163.101
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	291.431.893.144	315.849.375.886
11	4. Giá vốn hàng bán	26	251.687.039.341	266.186.330.742
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		39.744.853.803	49.663.045.144
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	27.945.255.054	47.287.391.691
22	7. Chi phí tài chính	28	23.979.213.974	17.177.290.720
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>18.089.846.745</i>	<i>20.886.571.107</i>
24	8. Chi phí bán hàng		13.776.656.520	19.234.242.771
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	45.251.383.227	56.428.045.539
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(15.317.144.864)	4.110.857.805
31	11. Thu nhập khác	30	7.451.884.717	3.292.663.742
32	12. Chi phí khác	31	8.419.074.905	624.708.033
40	13. Lợi nhuận khác		(967.190.188)	2.667.955.709
45	14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	32	179.174.729.222	124.450.340.886
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		162.890.394.170	131.229.154.400
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33.1	600.770.733	731.379.732
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	33.2	(3.034.747.650)	1.446.782.424
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		165.324.371.087	129.050.992.244
61	18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	34	(3.328.442.565)	(980.894.912)
62	18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		168.652.813.652	130.031.887.156
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	2.044	1.576



Trần Văn Pha
Kế toán trưởng



Đinh Ngọc Ninh
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2013

(Theo phương pháp gián tiếp)

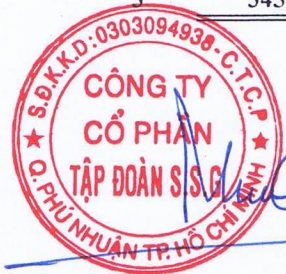
Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		162.890.394.170	131.229.154.400
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định		10.848.025.977	7.415.008.603
03	Các khoản dự phòng		5.774.083.465	(381.267.650)
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		5.462.100	-
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(207.165.949.546)	(171.732.925.900)
06	Chi phí lãi vay		18.089.846.745	20.886.571.107
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(9.558.137.089)	(12.583.459.440)
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		74.345.405.570	(179.782.915.239)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		(438.521.282.505)	(708.868.805.000)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		646.767.587.184	1.154.157.043.058
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(17.165.262.681)	(8.553.371.028)
13	Tiền lãi vay đã trả		(18.856.671.059)	(19.980.102.452)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(8.439.410.397)	(8.331.606.706)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(12.509.160.733)	(24.248.432.326)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		216.063.068.290	191.808.350.867
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(15.567.637.286)	(222.254.408.252)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		75.000.000	10.450.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị		-	(53.669.860.882)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		22.475.000.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(76.000.000.000)	(83.750.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.269.043.383	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		201.868.897.433	266.136.699.670
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		138.120.303.530	(93.527.119.464)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2013

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		239.842.631.680	478.149.721.627
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(413.661.455.789)	(334.159.740.556)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(123.757.333.650)	(84.210.236.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(297.576.157.759)	59.779.744.571
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		56.607.214.061	158.060.975.974
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		289.246.122.839	131.185.146.865
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(5.462.100)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>345.847.874.800</u>	<u>289.246.122.839</u>



Trần Văn Pha
Kế toán trưởng

Đình Ngọc Ninh
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2014